

TỔNG KẾT PHƯƠNG PHÁP ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Củng cố các hiểu biết về phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học.
- Có ý thức vận dụng các phương pháp đọc - hiểu để hình thành năng lực đọc văn học.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Trong SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao* (hai tập) có một bài về *văn bản* (1 tiết), một bài về *văn bản văn học* (2 tiết) và bốn bài về *đọc - hiểu văn bản văn học*. Bài thứ nhất nói về các bước đọc - hiểu và yêu cầu của từng bước ; bài thứ hai luyện tập kĩ năng đọc - hiểu văn bản văn học ; bài thứ ba nói về đọc văn bản văn học trung đại ; và bài này tổng kết về phương pháp đọc - hiểu, có bổ sung, nâng cao kiến thức về sử dụng ngữ cảnh để đọc - hiểu văn bản văn học. Mỗi bài lưu ý một khía cạnh, không lặp lại, cung cấp một số kiến thức khá bao quát về đọc - hiểu văn bản văn học.

2. Ngữ cảnh là một khái niệm then chốt để đọc - hiểu văn bản văn học. Có ba bình diện ngữ cảnh : ngữ cảnh văn bản, ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh văn hoá.

a) *Ngữ cảnh văn bản* là toàn bộ tổ chức văn bản với các mối liên hệ về mạch văn, trật tự trước sau mà chỉ trong ngữ cảnh ấy thì một từ, một câu, một điển cố,... mới có được ý nghĩa xác định.

b) *Ngữ cảnh tình huống* là hoàn cảnh của lời phát ngôn – khi con người sử dụng ngôn từ tự nhiên để giao tiếp. Nó bao gồm : tình huống giao tiếp : thời gian, địa điểm, vấn đề, trường hợp ; người tham gia giao tiếp : tuổi tác, nghề nghiệp, tư tưởng, trình độ văn hoá, trạng thái tinh thần.

c) *Ngữ cảnh văn hoá* : bối cảnh xã hội, lịch sử, văn hoá, phong tục, quan niệm về văn học, về cái đẹp, các truyền thống văn hoá, văn học, ngôn ngữ,...

Trong bài này tập trung nói về ba mặt trên của ngữ cảnh. Ngữ cảnh văn bản bao gồm các yếu tố làm nên văn bản, ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh văn hoá,

bao gồm mọi yếu tố ngoài văn bản chỉ phối cách lí giải văn bản. Mỗi người mỗi lần đọc thường chỉ chú ý một số yếu tố của ngữ cảnh, do đó mà cách hiểu của người đọc nhiều khi khác nhau. Cách đọc lí tưởng là tính đến mọi ngữ cảnh. Nhưng không ai là người có thể biết hết mọi ngữ cảnh, kể cả tác giả. Do đó, câu chuyện đọc - hiểu tác phẩm là không có hồi kết thúc.

Tuy vậy, ở bài học này trước hết lưu ý một số điều cơ bản nhất : ngữ cảnh văn bản : câu, đoạn, bài ; ngữ cảnh tình huống : thời điểm, tình huống sáng tác văn bản ; ngữ cảnh văn hoá : sáng tác của tác giả, bối cảnh xã hội, lịch sử, văn hoá của thời đại mà nhà văn sống.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. GV nhắc lại khái niệm văn bản và các bài đã học về đọc - hiểu văn bản. Đây là bài tổng kết với ý nghĩa là sau khi đã nắm được đặc điểm văn bản và các yêu cầu đọc - hiểu văn bản. Bài này đề cập tới nguyên tắc cơ bản nhất, chung nhất, không chỉ đọc - hiểu văn bản văn học mà đọc mọi văn bản.

2. Trình bày khái niệm ngữ cảnh. GV có thể nêu câu hỏi cho HS : Làm thế nào để hiểu được nghĩa của câu thơ, bài thơ.

Ý nghĩa của bài thơ *Tỏ lòng* có chỗ phải dựa vào ngữ cảnh văn bản (mạch văn), có chỗ phải dựa vào ngữ cảnh văn hoá để hiểu như cách hiểu cụm từ "nợ công danh", điển cố khí thế nuốt trâu, Vũ hầu ; có chỗ phải dựa vào ngữ cảnh tình huống như thân thế Phạm Ngũ Lão, thời đại nhà Trần, khí thế bảo vệ Tổ quốc trước hoạ xâm lăng của quân Mông – Nguyên. Câu "Ba quân khí mạnh nuốt trâu trâu" tuy lời dịch thơ có phần thô nhưng ý nghĩa đúng như thế (Xem chú thích trong SGK). Ở đây điển cố đúng là ngữ cảnh văn hoá của câu thơ. Nhiều khi muốn hiểu được tác phẩm phải dựa vào ngữ cảnh văn hoá. Trong bài *Nhàn* có câu : "Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ - Người khôn, người đến chốn lao xao" thì "vắng vẻ" là nơi hòa nhập với thiên nhiên, không có chuyện mưu cầu danh lợi. Chữ "nhàn" có ý nghĩa là không tham dự chính sự, chứ không phải chỉ giản đơn là nhàn rỗi, không làm gì. Ở đây phải dựa vào ngữ cảnh văn hoá mới hiểu đúng được nội dung bài thơ.

Như vậy, đọc - hiểu văn bản trung đại rất cần có tri thức về văn hoá thời trung đại.

GV có thể nêu các ví dụ khác về ngữ cảnh mà mình tâm đắc.

Kết luận : Ngữ cảnh có vai trò hết sức quan trọng đối với đọc - hiểu văn bản.

3. Lấy tư tưởng chính của văn bản để hiểu chi tiết văn bản

GV gợi ý cho HS :

– Các chi tiết trong văn bản giúp cho việc lí giải tư tưởng của toàn thể văn bản. Nhưng ngược lại tư tưởng của toàn thể văn bản cũng giúp hiểu sâu các chi tiết.

– GV nêu vấn đề : Trong văn bản có những chi tiết mới đâu không dễ hiểu ngay. Ví dụ, chi tiết "con cá vược lội *ngang*" trong một bài ca dao. Phải từ nhận thức chung của tác phẩm soi vào mới hiểu rõ được.

– GV có thể nêu thêm nhiều chi tiết mà mình tâm đắc trong quá trình dạy văn.

Kết luận : Đọc là quá trình vòng tròn – từ chi tiết tìm ra cái toàn thể, rồi từ cái toàn thể soi lại các chi tiết, bao giờ thấy phù hợp cả thì mới xem là hiểu văn bản.

4. Thể nghiệm ý nghĩa của văn bản văn học

Đọc văn bản, nhất là văn bản văn học rất cần thể nghiệm. Nội dung này đã được học ở SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một. Không chỉ người sáng tác, làm văn mới cần thể nghiệm, mà người đọc cũng phải biết thể nghiệm, mới cảm thông được với người sáng tác. Thể nghiệm ở đây là đặt mình vào tình huống nhân vật mà tưởng tượng, cụ thể hoá tâm trạng, hoàn cảnh của nhân vật trong thơ và trong truyện,... để hiểu các chi tiết cho cụ thể.

GV nêu câu hỏi cho HS : Thế nào là thể nghiệm ? Gợi ý : Người đọc phải đặt mình vào hoàn cảnh của tác giả và nhân vật trong tác phẩm. Ví dụ đọc bài *Tổ lòng* của Phạm Ngũ Lão thì phải hiểu tác giả là người thế nào ? Trong bài thơ có nói người nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh thì thẹn khi nghe mọi người nói chuyện Vũ hâu. Ở đây không phải nói Phạm Ngũ Lão thẹn khi nghe nói tới Vũ hâu, mà là mong có sự nghiệp sánh ngang Vũ hâu. Đó là cái chí cao đẹp của vị tướng.

Lại như câu đầu bài thơ "Múa giáo non sông trải mấy thu", thì "mấy thu" là nhiều hay ít ? Rõ ràng là ít. Điều đó chứng tỏ tác giả mong được bảo vệ non sông nhiều hơn nữa, lâu hơn nữa.

Đọc bài *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều*), hãy tưởng tượng tâm trạng Thuý Kiều trước và sau khi "trao duyên" để thấy sự thấu hiểu tâm lí con người và tài miêu tả tâm lí nhân vật của nhà thơ Nguyễn Du.

Đọc trích đoạn *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*, hãy hình dung cảnh người chinh phụ một mình chống lại tình cảnh cô đơn như thế nào thì mới hiểu được tâm trạng và khát vọng được sống hạnh phúc của nàng.

GV có thể nêu ví dụ thể nghiệm về các văn bản văn học *Cảnh ngày hè, Nhàn, Đọc Tiểu Thanh kí*.

GV gợi ý cho HS phát biểu rồi kết luận.

5. Những lỗi cần tránh trong khi đọc - hiểu văn bản văn học

– GV nêu câu hỏi cho HS : Khi đọc - hiểu văn bản văn học thường có những lỗi gì ?

a) *Lỗi cắt xén* : Lỗi này thường do đọc không hết câu, hết đoạn, vội vàng kết luận (lỗi không tôn trọng tính toàn vẹn của ngữ cảnh). GV lấy ví dụ từ thực tế dạy văn của mình, khi mới hướng dẫn HS đọc - hiểu hoặc các ví dụ khác.

b) *Lỗi suy diễn, áp đặt* : Người đọc có khi gán ghép ý nghĩa cho văn bản mà không có cơ sở trong ngữ cảnh của văn bản. Ví dụ Xuân Diệu đọc bài thơ *Cây chuối* của Nguyễn Trãi, hiểu "buồng lợ" là buồng con gái, tuy có thú vị nhưng không khoa học.

– GV tổng kết : Nhắc lại ý nghĩa của các yếu tố ngữ cảnh, tính toàn vẹn của văn bản, sự thể nghiệm của người đọc. Cuối cùng không quên nhắc lại các lỗi cần tránh : lỗi trong khi đọc là khó tránh. Song HS phải có ý thức khoa học để tránh những lỗi này. Đặc biệt, một số người vì ác ý mà cố tình xuyên tạc ý nghĩa của nguyên bản.

6. Gợi ý giải bài tập

Về phần *Luyện tập*, GV có thể tham khảo những điểm gợi ý sau :

a) Đọc *Tiểu dẫn* của bài *Phú sông Bạch Đằng* và *Đại cáo bình Ngô* để hiểu ngữ cảnh tình huống. Mỗi bài viết vào lúc nào, hoàn cảnh nào, điều đó quy định ý nghĩa của mỗi văn bản khác nhau như thế nào ?

Đọc toàn văn bài *Phú sông Bạch Đằng*, *Đại cáo bình Ngô* và cho biết ngữ cảnh văn bản mỗi bài thể hiện như thế nào. Việc chia đoạn giúp ta hiểu ý nghĩa của văn bản như thế nào ?

Chỉ ra một số từ ngữ, điển cố (như *nhân nghĩa*, *điếu phạt*, *mutu phạt*, *tâm công*, *lấy toàn quân là hơn*, *cỗ nhung y*, *thần vũ*, *hiếu sinh*, *hoa nước sông chén rượu ngọt ngào*, *cỗ xe cầu hiền còn dành phía tả*,...) để hiểu vai trò của ngữ cảnh văn hoá của thời đại.

Về các đoạn trích học trong *Truyện Kiều* thì ngữ cảnh tình huống còn bao gồm vị trí cụ thể của các đoạn trích đó trong tác phẩm.

b) Mối quan hệ giữa tư tưởng chính và chi tiết trong các văn bản :

– *Cảnh ngày hè* : Cảm xúc về sức sống của thiên nhiên thống nhất trong các chi tiết.

– *Trao duyên* : Mâu thuẫn giữa ý thức nghĩa vụ (tự nguyện trao duyên) và ý thức về quyền hưởng hạnh phúc cá nhân của nhân vật (nỗi đau mất mát của Kiều).

– *Thái sư Trần Thủ Độ* : Các sự kiện, chi tiết đều thống nhất ở việc khẳng định nhân cách cứng cỏi, quyết liệt của Trần Thủ Độ trong việc giữ vững kỉ cương phép nước.

c) Về các nhận định trong bài tập

– Nhận định bài *Tỏ lòng* cơ bản là đúng, nhưng phải hiểu công danh theo nghĩa là lập công lớn trong sự nghiệp giữ nước.

– Nhận định về bài *Đọc Tiểu Thanh kí* có phần phiến diện.

– Nhận định về đoạn trích *Nỗi thương mình* sai hoàn toàn.